

**UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ TÀI CHÍNH - SỞ KH&ĐT
SỞ XÂY DỰNG - KB NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 17 tháng 11 năm 2015

Số: 2784 /LN-TC-KHĐT-XD-KB

V/v hướng dẫn một số nội dung liên quan đến mức tạm ứng đối với các công việc của dự án được thực hiện theo hợp đồng và các hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi, thời hạn thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chủ đầu tư các dự án.

Căn cứ Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Công văn số 10254/BTC-ĐT ngày 27/7/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức tạm ứng đối với các công việc của dự án được thực hiện theo hợp đồng; Liên ngành Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Xây dựng và Kho bạc Nhà nước Quảng Nam hướng dẫn một số nội dung liên quan đến mức tạm ứng đối với các công việc của dự án được thực hiện theo hợp đồng và các hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi, các hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư như sau:

1. Thời điểm trước khi Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ có hiệu lực (trước ngày 15/6/2015), việc tạm ứng thực hiện theo quy định tại Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Kể từ ngày 15/6/2015 (ngày có hiệu lực của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng) việc tạm ứng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp cho các công việc cần thiết để triển khai thực hiện hợp đồng hoặc các công việc không thông qua hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định và phải được quy định rõ trong hợp đồng.

b) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực, riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu tại điểm a mục 3 công văn 10254/BTC-ĐT ngày 27/7/2015 của Bộ Tài chính, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

Ví dụ: Ngày 20/7/2015 Chủ đầu tư ký hợp đồng thi công với Nhà thầu A để thi công công trình B, hợp đồng có giá trị 15 tỷ đồng, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 3 tỷ đồng, tương ứng 20% giá trị hợp đồng (theo quy định chỉ được tạm ứng 15% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là 2,250 tỷ đồng). Ngày 21/7/2015 hồ sơ tạm ứng đã được Chủ đầu tư gửi đến KBNN và KBNN thực hiện tạm ứng vốn cho Nhà thầu trong ngày 25/7/2015. Khi thực hiện điều chỉnh giá hợp đồng, Nhà thầu không được điều chỉnh đơn giá phần khối lượng thực hiện từ ngày 25/7/2015 tương ứng với số tiền 0,75 tỷ đồng (3 tỷ đồng – 2,250 tỷ đồng).

d) Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng quy định tại mục (3) công văn 10254/BTC-ĐT ngày 27/7/2015 của Bộ Tài chính; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt) thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

e) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

4. Mức vốn tạm ứng đối với chi phí quản lý dự án:

Căn cứ dự toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc nhà nước thực hiện tạm ứng vốn theo đề nghị của chủ đầu tư. Mức tạm ứng vốn không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

6. Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

a) Các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. Trường hợp này, để đảm bảo sử dụng vốn tạm ứng an toàn và có hiệu quả, chủ đầu tư tùy theo điều kiện cụ thể được quyền yêu cầu nhà thầu bảo lãnh tạm ứng vốn theo nội dung nêu tại điểm a mục 4 Công văn 10254/BTC-ĐT ngày

27/7/2015 của Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về yêu cầu bảo lãnh tạm ứng của mình.

b) Các hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu;

c) Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

7. Thu hồi vốn tạm ứng

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.

b) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng không chờ đến khi toàn bộ các hộ dân trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã nhận tiền mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

c) Đối với chi phí quản lý dự án: Khi có khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán, chủ đầu tư lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư) gửi Kho bạc nhà nước làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn, mua sắm đến Kho bạc nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

8. Kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn:

a) Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là KBNN các huyện) thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng; phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Kho bạc nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

b) Hằng tháng các chủ đầu tư có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn gửi Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ việc thực hiện và thu hồi số vốn đã tạm ứng.

c) Hằng quý Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn của các chủ đầu tư gửi Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng đến từng thời kỳ. Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi.

d) Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm phải thực hiện khối lượng

theo tiến độ ghi trong hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi và không có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn, Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

e) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số tiền đã tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc nhà nước tỉnh, KBNN các huyện để thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thu hồi tạm ứng. Trường hợp sau thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước.

9. Ngoài các nội dung về tạm ứng hợp đồng nêu trên, các đơn vị phải lưu ý các hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi, các hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư theo quy định tại khoản 1, điều 9 và khoản 2, điều 10, Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể lưu ý một số trường hợp như sau:

a) Hành vi không làm thủ tục kiểm soát cam kết chi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi không gửi hoặc gửi đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước chậm quá thời hạn theo quy định tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có.

b) Hành vi vi phạm bị xử lý phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là: Không thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chi sự nghiệp có tính chất đầu tư trong lần đề nghị thanh toán đầu tiên theo chế độ quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có (sau đây gọi tắt là Thông tư số 86/2011/TT-BTC);

c) Hành vi vi phạm bị xử lý phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là: Không thanh toán hết tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC;

d) Hành vi vi phạm bị xử lý phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là: Thanh toán tạm ứng chi bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư sau quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC.

10. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo điểm 9 công văn này không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó.

Đề nghị thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu VT: KHĐT, TC, XD, KB

SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHẠM TẤN MINH

SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

SỞ XÂY DỰNG
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phú

KBNN QUẢNG NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Sơn